

Số: /BC-HĐTĐ

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các cơ quan thuộc UBND tỉnh và UBND các xã, phường

Phần 1. TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC) NĂM 2025

I. Công tác triển khai thực hiện

- Ngày 09/10/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2156/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ Chỉ số CCHC của các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã, phường. Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC áp dụng cho các cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp xã, phường được cấu trúc thành 8 nội dung đánh giá: (1) Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, (2) Cải cách thể chế, việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, (3) Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, (4) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, (5) Cải cách chế độ công vụ, (6) Cải cách tài chính công, (7) Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, (8) Tác động CCHC đến người dân, tổ chức. Phương pháp đánh giá Chỉ số CCHC kết hợp giữa đánh giá của Hội đồng thẩm định (đánh giá bên trong) và đánh giá qua điều tra xã hội học (đánh giá bên ngoài).

Thang điểm đánh giá của Bộ Chỉ số CCHC là 100 điểm, trong đó:

+ Điểm đánh giá qua thẩm định tối đa là 60 điểm;

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học tối đa là 20 điểm;

+ Điểm đánh giá qua khảo sát sự hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) tối đa là 20 điểm.

- Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Hướng dẫn số 800/HD-VPUBND ngày 05/11/2025 về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC năm 2025 của các sở, ngành, địa phương (Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 11/3/2026) gồm lãnh đạo các Sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

II. Công tác điều tra xã hội học xác định Chỉ số CCHC

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 28/11/2025 triển khai điều tra xã hội học phục vụ xác định chỉ số CCHC năm 2025 của các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Đối tượng khảo sát gồm:

(1) Đối với các cơ quan thuộc UBND tỉnh: đối tượng đánh giá là lãnh đạo UBND cấp xã; lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã¹. Tổng số phiếu đã gửi: 1.191 phiếu, số phiếu đã trả lời: 1.143 phiếu, đạt 96%.

(2) Đối với UBND cấp xã: đối tượng đánh giá là lãnh đạo các cơ quan thuộc UBND tỉnh; lãnh đạo phòng chuyên môn cấp tỉnh. Tổng số phiếu đã gửi: 419 phiếu, số phiếu đã trả lời: 418 phiếu, đạt 99,8%.

III. Công tác đo lường sự hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước xác định Chỉ số CCHC

Thực hiện Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 06/10/2025², Văn phòng UBND tỉnh đã ký kết hợp đồng với Bưu điện tỉnh Gia Lai để triển khai thực hiện khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025. Đối tượng khảo sát là người dân, người đại diện cho tổ chức đã trực tiếp giao dịch và nhận kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/9/2025. Phương pháp điều tra được thực hiện dưới hình thức phát phiếu câu hỏi để tổ chức, cá nhân nghiên cứu và trả lời với quy mô khảo sát là 5.530 phiếu và tổ chức phúc tra, giám sát kết quả thực hiện.

Phần 2. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025

I. Kết quả chỉ số CCHC năm 2025 của các cơ quan thuộc UBND tỉnh

1. Chỉ số tổng hợp

Chỉ số tổng hợp CCHC năm 2025 của khối các cơ quan thuộc UBND tỉnh có giá trị trung bình đạt **81,92%**. Trong **8** lĩnh vực đánh giá, có **2** lĩnh vực có giá trị trung bình đạt trên **90%** (lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy đạt 93,33% và lĩnh vực kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng đạt 97,52%); **6** lĩnh vực đạt từ **78,85%** - **88,3%**, có **09/15** cơ quan có Chỉ số CCHC đạt trên mức trung bình của khối (chiếm tỷ lệ 60%). Trong đó:

- **Nhóm 1 (Có kết quả Chỉ số CCHC từ 85% trở lên):** Có **06** cơ quan. **Sở Tư pháp** là đơn vị dẫn đầu khối với kết quả Chỉ số đạt **89,84%**. Tiếp theo là Văn phòng UBND tỉnh (đạt 88,03%), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (87,25%), Sở Y tế (86,18%), Sở Khoa học và Công nghệ (85,83%) và Sở Công Thương (85,46%).

- **Nhóm 2 (Có kết quả Chỉ số CCHC đạt từ 75% đến dưới 85%):** Có **07** cơ quan, bao gồm: Ban Quản lý Khu kinh tế (83,81%), Sở Xây dựng (83,17%), Sở Tài chính (82,42%), Sở Giáo dục và Đào tạo (78,15%), Thanh tra tỉnh (78,05%), Sở Nội vụ (77,94%) và Sở Ngoại vụ (75,28%).

- **Nhóm 3 (Có kết quả Chỉ số CCHC dưới 75%):** Có **02** cơ quan: Sở Nông nghiệp và Môi trường đạt 74,03%, Sở Dân tộc và Tôn giáo đạt 73,4%.

2. Chỉ số thành phần đánh giá kết quả CCHC theo từng lĩnh vực

¹ Các phòng chuyên môn đánh giá sở quản lý ngành, lĩnh vực tương ứng; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã đánh giá Văn phòng UBND tỉnh.

² Khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

a) Lĩnh vực 1: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (tối đa 9 điểm): Giá trị trung bình lĩnh vực đạt 7,47 điểm. Các đơn vị đạt điểm tuyệt đối 9/9 điểm bao gồm: *Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Y tế*. Trong khi đó, *Sở Giáo dục và Đào tạo* có điểm số thấp nhất khối, chỉ đạt **4/9** điểm, do chưa thực hiện tốt công tác tuyên truyền CCHC và tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại các đơn vị trực thuộc.

b) Lĩnh vực 2: Cải cách thể chế (tối đa 5 điểm): Các cơ quan đạt điểm tối đa 5/5 điểm gồm *Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế*. Đơn vị có điểm số thấp nhất ở lĩnh vực này là *Sở Ngoại vụ* (đạt 3/5 điểm) do thực hiện chưa tốt hoặc thiếu hồ sơ, tài liệu kiểm chứng về kết quả thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo hướng dẫn.

c) Lĩnh vực 3: Cải cách TTHC (tối đa 10 điểm. Văn phòng UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh không đánh giá tiêu chí này do không trực tiếp tiếp nhận và giải quyết TTHC): *Sở Tư pháp* và *Sở Y tế* là hai đơn vị đạt điểm tuyệt đối **10/10** điểm. *Sở Tài chính* là cơ quan có điểm thẩm định TTHC thấp nhất đạt **5/10** điểm; cụ thể, đơn vị bị trừ điểm toàn bộ số điểm ở các tiêu chí: Mức độ hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ về rà soát, đơn giản hóa TTHC; Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; Có kiến nghị đơn giản hóa TTHC được phê duyệt; Tham mưu thực hiện phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC.

d) Lĩnh vực 4: Cải cách tổ chức bộ máy (tối đa 7 điểm): hầu hết các sở, ngành đều đạt điểm tối đa 7/7 điểm (10/15 cơ quan). *Sở Dân tộc và Tôn giáo* đạt **4/7** điểm do đơn vị chưa cung cấp tài liệu kiểm chứng bảo đảm theo yêu cầu để đánh giá công tác kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã được phân cấp, ủy quyền cho địa phương cấp xã.

đ) Lĩnh vực 5: Cải cách chế độ công vụ: (có 12 cơ quan có điểm tối đa là **6 điểm**. 03 cơ quan Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, không có đơn vị trực thuộc nên không thực hiện đánh giá tiêu chí về xây dựng VTVL của viên chức và tỷ lệ đơn vị trực thuộc bố trí viên chức theo VTVL, do đó điểm tối đa của 03 cơ quan này là 5). *Sở Công Thương, Sở Nội vụ* và *Văn phòng UBND tỉnh* đạt điểm tuyệt đối 6/6 điểm. 03 cơ quan đạt kết quả thấp nhất là Sở Nông nghiệp và Môi trường (đạt 3,5/6 điểm, tỷ lệ 58%), Sở Dân tộc và Tôn giáo (đạt 2,75/5 điểm, tỷ lệ 55%), Sở Giáo dục và Đào tạo (đạt 3/6 điểm, tỷ lệ 50%). Nguyên nhân chủ yếu do các đơn vị chưa cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng đánh giá việc bố trí CCVC theo VTVL được phê duyệt; ngoài ra, trong năm đánh giá còn ghi nhận trường hợp CCVC bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (Sở Nông nghiệp và Môi trường).

e) Lĩnh vực 6: Cải cách tài chính công (có 11 cơ quan có điểm tối đa là 6 điểm; 04 cơ quan gồm Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo có điểm tối đa là 4 điểm vì không thực hiện đánh giá các tiêu chí liên quan đến ĐVSNCL trực thuộc). 02 cơ quan đạt điểm tuyệt đối là *Sở Ngoại vụ* (đạt 4/4 điểm, tỷ lệ 100%), *Ban Quản lý Khu kinh tế* (đạt 6/6 điểm, tỷ lệ 100%); *Sở Xây dựng* đạt 5,99/6 điểm, tỷ lệ 99,8%. 02 đơn vị có kết quả thấp nhất (cùng đạt 4/6 điểm, tỷ lệ 66,67%) là *Sở Nội vụ* do chưa thực hiện đúng quy định về lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách; *Sở Công Thương* do chưa đạt điểm ở

các tiêu chí về tăng tỷ lệ tự chủ chi thường xuyên của ĐVSNCL trực thuộc so với năm trước liền kề và giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các ĐVSNCL.

g) Lĩnh vực 7: Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước (tối đa áp dụng chung là 10 điểm; riêng *Thanh tra tỉnh* và *Văn phòng UBND tỉnh* có điểm tối đa là 5 điểm vì không thực hiện đánh giá tiêu chí về cung cấp DVCTT; **02** cơ quan *Sở Ngoại vụ*, *Sở Dân tộc và Tôn giáo* có điểm tối đa là 9 điểm vì không thực hiện đánh giá tiêu chí về Tỷ lệ hồ sơ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến). Các đơn vị có kết quả cao bao gồm: *Sở Tư pháp* (đạt 9,57/10 điểm, tỷ lệ 95,7%), *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch* (đạt 9,46/10 điểm, tỷ lệ 94,6%), *Sở Tài chính* (đạt 9,38/10 điểm, tỷ lệ 93,8%). Đơn vị có kết quả thấp nhất trong lĩnh vực này là *Sở Ngoại vụ* (đạt 4,21/9 điểm, tỷ lệ 46,78%); nguyên nhân chủ yếu do đơn vị chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi số; chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng đối với các nội dung như ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ CCVC; ứng dụng nền tảng số và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành; xây dựng hoặc nâng cấp phần mềm quản lý chuyên ngành; đồng thời bị trừ điểm ở một số tiêu chí thành phần liên quan đến việc cung cấp DVCTT.

h) Lĩnh vực 8: Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng (tối đa 6 điểm, riêng **04** cơ quan gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo có điểm tối đa là 5 điểm vì không thực hiện đánh giá tiêu chí về mức độ thực hiện các chỉ tiêu do HĐND tỉnh giao): *Sở Tư pháp* đạt điểm cao nhất (đạt **5,98/6** điểm, tỷ lệ 99,7%). Đơn vị có kết quả thấp nhất trong lĩnh vực này là *Sở Nông nghiệp và Môi trường* (đạt 5,61 điểm, tỷ lệ 93,5%) do kết quả thực hiện tiêu chí về thực hiện chức năng tham mưu các nhiệm vụ cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chưa đạt điểm tối đa.

3. Kết quả điều tra xã hội học

Điểm điều tra xã hội học năm 2025 của khối các cơ quan thuộc UBND tỉnh có giá trị trung bình đạt **13 điểm**/tối đa 20 điểm (tỷ lệ 65%).

Có **06/15 cơ quan** có điểm điều tra xã hội học cao hơn mức trung bình của khối (chiếm 40%). Trong đó, Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan đạt điểm cao nhất (14,24/20 điểm). Tiếp theo là các cơ quan: Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Có **09/15 cơ quan** có điểm điều tra xã hội học thấp hơn mức trung bình của khối. Trong đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan có điểm thấp nhất (12,39/20 điểm).

4. Kết quả chỉ số SIPAS³

Chỉ số hài lòng trung bình năm 2025 của **13** cơ quan thuộc UBND tỉnh đạt **90,83%** (Văn phòng UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh không đánh giá vì không trực tiếp tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp).

³ Văn phòng UBND tỉnh đã có báo cáo riêng (Báo cáo số 1169/BC-VPUBND ngày 29/12/2025 về kết quả đo lường sự hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai).

Có **08/13** cơ quan đạt chỉ số hài lòng cao hơn giá trị trung bình. Trong đó, Sở Tư pháp là cơ quan có chỉ số cao nhất (đạt 19,6/20 điểm, tỷ lệ 98%). Tiếp theo là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đạt 97,63%, Sở Tài chính đạt 97,01%.

Có 05/13 cơ quan có chỉ số hài lòng thấp hơn giá trị trung bình là: Ban Quản lý Khu kinh tế đạt 90,6%, Sở Xây dựng đạt 88,05%, Sở Dân tộc và Tôn giáo đạt 86,88%, Sở Nông nghiệp và Môi trường đạt 76,28% và Sở Nội vụ đạt 71,95%.

II. Kết quả chỉ số CCHC năm 2025 UBND cấp xã

1. Chỉ số tổng hợp

a) Trong quá trình thẩm định, có một số địa phương **không tự đánh giá đầy đủ các tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số** hoặc **không thực hiện đầy đủ cả hai đợt tự đánh giá** theo quy định. Đối với các trường hợp này, Hội đồng thẩm định chỉ thực hiện thẩm định trên cơ sở kết quả do địa phương báo cáo trên Hệ thống. Cụ thể:

- Các địa phương không tự đánh giá đầy đủ các tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số: xã Ia Krêl, xã Đăk Song, xã Bờ Ngoong.

- Các địa phương không thực hiện đầy đủ cả hai đợt tự đánh giá (*không giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng lần 2*): xã Ia Chia, phường An Phú, xã Kim Sơn, xã Ia Khuol, phường An Nhơn Đông.

b) Chỉ số CCHC năm 2025 của **135** xã, phường có giá trị trung bình đạt **64,77%**. Có **69/135 địa phương** có Chỉ số CCHC đạt trên mức trung bình. Trong 8 lĩnh vực đánh giá, có 3 lĩnh vực có giá trị trung bình cao nhất là: Cải cách tài chính công (đạt 90,44%), Cải cách chế độ công vụ, công chức (đạt 72,8%), Chỉ tiêu phát triển KTXH (đạt 70%); 02 lĩnh vực thấp nhất là: Công tác chỉ đạo điều hành (đạt 53,9%), Cải cách thủ tục hành chính (đạt 57,8%). Trong đó:

- Có **04 địa phương** có Chỉ số CCHC **đạt từ 75% trở lên**: phường Hoài Nhơn Bắc là địa phương dẫn đầu với Chỉ số CCHC đạt 78,97%; tiếp theo là phường Hoài Nhơn Đông đạt 78,32%, phường Bồng Sơn đạt 77,34%, phường Hoài Nhơn Nam đạt 77,08%.

- Có **25 địa phương** đạt từ 70% đến dưới 75%, **81 địa phương** đạt từ 60% đến dưới 70% và **25 địa phương** đạt dưới 60%.

- **05 địa phương có kết quả thấp nhất** là: xã Bờ Ngoong đạt 41,94%; tiếp theo là xã Ia Ko đạt 46,05%, xã Ia O đạt 48,51%, xã Nhơn Châu đạt 50,44%, xã Ia Lâu đạt 50,67%.

Qua kết quả tổng hợp, các địa phương có thứ hạng cao nhìn chung đạt kết quả tương đối đồng đều ở nhiều lĩnh vực, nhất là công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách thể chế, cải cách TTHC, cải cách chế độ công vụ và chuyển đổi số. Ngược lại, các địa phương có Chỉ số CCHC thấp chủ yếu còn hạn chế ở một số nội dung như công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC; tổ chức bộ máy; chuyển đổi số và kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chỉ số thành phần đánh giá kết quả CCHC theo từng lĩnh vực

a) Lĩnh vực 1: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (tối đa 08 điểm): điểm trung bình đạt **4,31/8 điểm (tỷ lệ 53,9%)**. Có 72/135 địa phương đạt điểm cao hơn điểm trung bình.

Qua thẩm định, hầu hết các địa phương bị trừ điểm ở ba tiêu chí sau: **(1) Công tác tuyên truyền CCHC**: có 134/135 xã, phường bị trừ điểm, chủ yếu do chưa thực hiện tốt nội dung đa dạng hóa hình thức tuyên truyền (phường Hoài Nhơn Bắc là địa phương duy nhất đạt điểm ở tiêu chí này); **(2) Giải pháp về chỉ đạo, điều hành CCHC**: có 126/135 xã, phường bị trừ điểm, nguyên nhân chủ yếu do chưa triển khai đánh giá, gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng; **(3) Đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ CCHC**: có 109/135 xã, phường bị trừ điểm do chưa có giải pháp, sáng kiến được áp dụng và đem lại hiệu quả trong công tác CCHC của cơ quan.

Trong lĩnh vực này không có địa phương đạt điểm tối đa. Phường Tam Quan là địa phương có số điểm cao nhất với 7,5/8 điểm. Các địa phương cùng đạt 7/8 điểm bao gồm: phường Hoài Nhơn Bắc, phường Bồng Sơn, phường An Nhơn Nam, phường Thống Nhất, xã Ân Tường, xã Ia Hnú, phường Quy Nhơn Tây, xã Canh Vinh và xã Ia Boòng.

Trong khi đó, các địa phương có số điểm thấp nhất (từ 0 đến 1,5 điểm) gồm: phường Hoài Nhơn Tây (1,0 điểm), xã Ia Khuol (1,5 điểm), phường An Nhơn Đông (1,5 điểm), xã Ia Dom (1,5 điểm), xã An Toàn (1,0 điểm), xã Ia Ly (0,5 điểm) và xã Bờ Ngoong (0 điểm).

b) Lĩnh vực 2: Cải cách thể chế (tối đa 05 điểm): điểm trung bình đạt **3,3/5 điểm (tỷ lệ 66%)**. Có 86/135 địa phương đạt điểm cao hơn điểm trung bình.

Qua thẩm định, hầu hết các địa phương bị trừ điểm ở tiêu chí **Theo dõi thi hành pháp luật**: có 104/135 xã, phường bị trừ điểm, chủ yếu do chưa thực hiện hoặc không cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng về thực hiện các hoạt động TDTHPL và xử lý kết quả TDTHPL.

Trong lĩnh vực này có 28 địa phương đạt điểm tối đa (5/5 điểm), gồm: phường Bồng Sơn, xã Phù Mỹ Bắc, phường Thống Nhất, xã Ia Bắ, phường Ayun Pa, xã Ya Hội, xã Ia Hnú, phường An Khê, xã An Lão, phường Tam Quan, xã Ân Hảo, xã Canh Vinh, phường An Nhơn, xã Đak Đoa, phường Hội Phú, xã Hội Sơn, xã Phù Mỹ, xã Tuy Phước Tây, xã Kon Gang, phường Diên Hồng, phường Pleiku, phường An Bình, xã Ia Grai, xã Đak Pơ, phường Hoài Nhơn Tây, xã Bàu Cạn, xã Ia Le, xã Ia Ly.

Trong khi đó, có 13 địa phương không có điểm ở tiêu chí này: xã Đức Cơ, xã Ia Khuol, xã Cửu An, xã Ia Phí, xã Gào, xã Ia Krêl, xã Ia Dom, xã Ya Ma, xã Đăk Song, xã Ia Lâu, xã Ia O, xã Ia Ko và xã Bờ Ngoong. **10 địa phương đạt 0,5 điểm**: xã Phù Mỹ Đông, xã Bình Hiệp, xã Ia Pa, xã Vạn Đức, xã SRó, xã Bình Dương, xã Ia Dok, xã Ia Pia, xã Ia Pnôn và phường Bình Định.

c) Lĩnh vực 3: Cải cách TTHC (tối đa 09 điểm): điểm trung bình đạt **5,2/9 điểm (tỷ lệ 57,8%)**. Có 82/135 địa phương đạt điểm cao hơn điểm trung bình.

Qua thẩm định, hầu hết các địa phương bị trừ điểm ở ba tiêu chí sau: **(1) Mức độ hoàn thành kế hoạch về rà soát, đơn giản hóa TTHC** có 135/135 xã, phường

bị trừ điểm, chủ yếu chưa có hoặc chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC; **(2) Kiến nghị, đề xuất đơn giản hóa TTHC** có 135/135 xã, phường bị trừ điểm, nguyên nhân do chưa có kiến nghị, đề xuất đơn giản hóa TTHC được cấp có thẩm quyền phê duyệt; **(3) Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC** có 133/135 xã, phường bị trừ điểm do vẫn còn hồ sơ giải quyết quá hạn.

Phường Hoài Nhơn Bắc và xã Canh Liên là hai địa phương có số điểm cao nhất cùng đạt 7/9 điểm. Phường Ayun Pa là địa phương có số điểm cao thứ hai với 6,67/9 điểm. Tiếp theo là 55 địa phương cùng đạt 6/9 điểm, tiêu biểu gồm: phường Hoài Nhơn Đông, phường Bồng Sơn, phường Hoài Nhơn Nam, phường An Nhơn Nam, xã Phù Mỹ Bắc, phường Thống Nhất, xã Ia Băng, xã Ya Hội,...

Trong khi đó, xã Bờ Ngoong là địa phương không có điểm ở tiêu chí này. Xã Biển Hồ, xã Đăk Song và xã Ia O là 03 địa phương cùng đạt 2/9 điểm. Các địa phương có số điểm dưới 03 điểm gồm: xã Ia Le (2,92 điểm), xã Ngô Mây (2,75 điểm), xã Tuy Phước (2,28 điểm), xã Ia Dom (2,38 điểm), xã An Toàn (2,75 điểm), xã Nhơn Châu (2,75 điểm) và xã Ia Ko (2,53 điểm).

d) Lĩnh vực 4: Cải cách tổ chức bộ máy (tối đa 3 điểm): điểm trung bình đạt **1,79/3 điểm (tỷ lệ 59,7%)**. Có 67/135 địa phương đạt điểm cao hơn điểm trung bình.

Qua thẩm định, hầu hết các địa phương bị trừ điểm ở hai tiêu chí sau: **(1) Thực hiện quy định về phân cấp, ủy quyền** có 134/135 xã, phường bị trừ điểm, chủ yếu do các địa phương chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng hoặc việc triển khai thực hiện các nội dung được phân cấp, ủy quyền chưa đáp ứng yêu cầu (xã Ia Púch là địa phương duy nhất đạt điểm ở tiêu chí này); **(2) Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan** có 68/135 xã, phường bị trừ điểm, nguyên nhân chủ yếu do chưa kịp thời hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc; hoặc hồ sơ, tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ, chưa bảo đảm yêu cầu phục vụ công tác thẩm định.

Xã Ia Púch là địa phương duy nhất đạt điểm tối đa 3/3 điểm. Tiếp theo có 57 địa phương cùng đạt 2,5/3 điểm, tiêu biểu như: phường Hoài Nhơn Bắc, phường Bồng Sơn, xã Ia Nan, phường An Nhơn Nam, phường Thống Nhất, xã Ia Băng,...

Các địa phương không đạt điểm ở tiêu chí này (0/3 điểm), gồm: xã Xuân An, phường Hoài Nhơn Tây, xã Ia Pia, xã Ya Ma, xã Ia Ly, xã Ia Lâu và xã Bờ Ngoong. Các địa phương có số điểm từ trên 0 đến 01 điểm gồm: xã An Lương, xã Bình Phú, xã Canh Liên, xã Krong, xã Kon Chiêng, xã Bình Hiệp, phường An Phú, xã KDang, xã Ia Hiao...

đ) Lĩnh vực 5: Cải cách chế độ công vụ (tối đa 05 điểm): điểm trung bình đạt **3,64/5 điểm (tỷ lệ 72,8%)**. Có 60/135 địa phương đạt điểm cao hơn điểm trung bình.

Qua thẩm định, các địa phương bị trừ điểm tập trung ở hai tiêu chí sau: **(1) Công tác đào tạo, bồi dưỡng CCVC** có 118/135 xã, phường bị trừ điểm, chủ yếu do chưa ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai thực hiện theo kế hoạch; chưa có văn bản chủ trương thống nhất về chính sách hỗ trợ kinh phí riêng và thực hiện triển khai hỗ trợ trên thực tế; **(2) Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CCVC** có 26/135 xã, phường bị trừ điểm, nguyên nhân do có CCVC bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Có 12 địa phương đạt điểm tối đa (5/5 điểm), gồm: Phường Hoài Nhơn Bắc, phường Hoài Nhơn Đông, phường Hoài Nhơn Nam, xã Ia Băng, phường Ayun Pa, xã Ia Hrí, phường An Khê, xã Tuy Phước Bắc, xã Hòa Hội, xã Hoài Ân, xã Bình Phú và xã Vạn Đức. Tiếp theo có 07 địa phương cùng đạt 4,5/5 điểm, gồm: phường Bồng Sơn, phường Hoài Nhơn, phường Hội Phú, xã Kông Chro, xã Ia Púch, xã Kon Gang và xã Đề Gi.

Các địa phương có điểm số thấp nhất gồm: xã Tơ Tung và xã Ya Ma (đạt 0,5/5 điểm), phường Hoài Nhơn Tây (đạt 1,5/5 điểm).

e) Lĩnh vực 6: Cải cách tài chính công (có 36 địa phương có điểm tối đa là 5 điểm, 99 địa phương có điểm tối đa là 4 điểm): giá trị trung bình đạt 90,44%. Có 85/135 địa phương cao hơn giá trị trung bình.

Có 99/135 xã, phường không đánh giá tiêu chí 6.2 “Thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách” vì trong năm 2025 không thuộc đối tượng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách. Trong số 36 địa phương thuộc đối tượng đánh giá, có 13 địa phương bị trừ điểm do chưa thực hiện đầy đủ các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu kiểm chứng phục vụ công tác thẩm định.

Ngoài ra, có 27/135 xã, phường bị trừ điểm ở tiêu chí “**Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN**”, chủ yếu do kết quả giải ngân so với kế hoạch vốn được giao trong năm chưa đạt yêu cầu theo tiêu chí đánh giá.

Có 85 địa phương đạt giá trị tối đa ở tiêu chí này. Xã Bờ Ngoong là địa phương đạt giá trị thấp nhất (37,5%). 03 địa phương đạt giá trị 50% là xã Ia Pa, xã Ia Tul và xã Ngô Mỹ.

g) Lĩnh vực 7: Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước (tối đa 15 điểm): điểm trung bình đạt **9,57/15 điểm (tỷ lệ 63,8%)**. Có 61/135 địa phương đạt điểm cao hơn điểm trung bình.

Qua thẩm định, hầu hết các địa phương bị trừ điểm ở các tiêu chí liên quan đến dịch vụ công trực tuyến như “Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình” và “Tỷ lệ hồ sơ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến”. Ngoài ra, tiêu chí về **cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử** có 129/135 xã, phường bị trừ điểm, chủ yếu do việc cung cấp các loại thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của địa phương chưa đầy đủ, kịp thời.

Phường Hoài Nhơn Nam là địa phương có số điểm cao nhất với 12,86/15 điểm. Các địa phương tiếp theo đạt kết quả cao bao gồm: phường Hoài Nhơn Đông, xã Ia Nan, phường An Nhơn Bắc, phường An Nhơn,...

Trong khi đó, các địa phương có số điểm thấp nhất (dưới 7 điểm) gồm: xã Tuy Phước Đông đạt 4,96 điểm; xã Ia Krái đạt 6,13 điểm; xã An Toàn đạt 6,59 điểm; xã Ia Mơ đạt 6,61 điểm và xã Ia Hưng đạt 6,97 điểm.

h) Lĩnh vực 8: Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội (tối đa 07 điểm): điểm trung bình đạt **4,9/7 điểm (tỷ lệ 70%)**. Có 71/135 địa phương đạt điểm cao hơn điểm trung bình.

Qua thẩm định, hầu hết các địa phương bị trừ điểm ở hai tiêu chí sau: **(1) Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND cấp xã giao** (tối đa 3 điểm) có 131/135 xã, phường bị trừ điểm (04 địa phương không bị trừ điểm: xã Đak Đoa, xã Kông Chro, xã Ia Tul, xã Ya Ma); **(2) Thực hiện thu ngân sách hằng năm** có 115/135 xã, phường bị trừ điểm.

Xã Canh Vinh là địa phương có số điểm cao nhất với 6,45/07 điểm. Tiếp theo là các địa phương: xã Phù Mỹ Đông, xã SRó, phường Hoài Nhơn Nam, phường Hoài Nhơn Bắc, xã Ia Nan, xã Lơ Pang, phường Hoài Nhơn Đông, xã Ia Dom,...

Xã An Vinh là địa phương có số điểm thấp nhất với 1/7 điểm. Các địa phương cùng đạt 2,5/7 điểm, gồm: xã Bình Phú, phường An Phú, phường An Nhơn Đông, xã Ia Dreh và xã Ia O.

3. Kết quả điều tra xã hội học

Điểm điều tra xã hội học năm 2025 của khối UBND các xã, phường có giá trị trung bình đạt **09 điểm**/tối đa 20 điểm (tỷ lệ 45%).

Có **65/135 xã, phường** có điểm điều tra xã hội học cao hơn mức trung bình của khối. Trong đó, phường Quy Nhơn là địa phương đạt điểm cao nhất (10,03/20 điểm, tỷ lệ 50,15%). Các địa phương đạt 48% trở lên là: phường Quy Nhơn Nam, phường Quy Nhơn Đông, phường Quy Nhơn Tây, phường Quy Nhơn Bắc, phường Pleiku.

Có **70/135 xã, phường** có điểm điều tra xã hội học thấp hơn mức trung bình của khối. Trong đó, xã Chợ Long là địa phương có điểm thấp nhất (8,71/20 điểm, tỷ lệ 43,55%).

4. Kết quả chỉ số SIPAS⁴

Chỉ số hài lòng trung bình năm 2025 của khối UBND các xã, phường đạt **83,61%**.

Có **81/135 xã, phường** đạt chỉ số hài lòng cao hơn giá trị trung bình. Trong đó, phường Hoài Nhơn Tây là địa phương có chỉ số cao nhất (đạt 19,59/20 điểm, tỷ lệ 97,93%). Tiếp theo là xã Phù Mỹ Bắc đạt 97,9%, xã Ia Khuol đạt 97%.

Có **54/135 xã, phường** có chỉ số hài lòng thấp hơn giá trị trung bình. Các địa phương có chỉ số mức độ hài lòng đạt dưới 55% là: xã Ia Ly đạt 54,8%, xã Ia Dok đạt 54,4%, xã Ia Ko đạt 53,8%, xã Ia O đạt 53,1%.

III. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở kết quả thẩm định Chỉ số CCHC năm 2025, Hội đồng thẩm định kính đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo các nội dung sau:

- Giao Hội đồng thẩm định thông báo kết quả Chỉ số CCHC năm 2025 đến từng cơ quan, đơn vị, địa phương để rà soát các tiêu chí còn hạn chế, xác định nguyên nhân mất điểm, nghiêm túc rút kinh nghiệm và xây dựng giải pháp khắc phục trong quá trình triển khai nhiệm vụ CCHC những năm tiếp theo.

⁴ Văn phòng UBND tỉnh đã có báo cáo riêng (Báo cáo số 1169/BC-VPUBND ngày 29/12/2025 về kết quả đo lường sự hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai).

- Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường nghiên cứu, sửa đổi Bộ Chỉ số CCHC, bảo đảm tính khả thi, sát với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị và khắc phục những hạn chế, bất cập phát sinh trong quá trình áp dụng Bộ Chỉ số hiện hành.

Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC năm 2025 kính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả Chỉ số CCHC năm 2025./.

Nơi nhận:

- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- Thành viên HĐTĐ;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, PVHCC.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHỈ SỐ CCHC NĂM 2025
CHỦ TỊCH**

**CHÁNH VĂN PHÒNG
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Nguyễn Xuân Vĩnh**